TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày: 17-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Quang

2. Ông Nguyễn Văn Trãi

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Trần Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Mỹ T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A, khu V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Dương Minh T1**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu V B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Trần Mỹ T trình bày:

Ngày 06/9/2021, anh Dương Minh T1 có vay của anh số tiền 80.000.000 đồng, với thời hạn 03 tháng, anh T1 không trả cho anh số tiền gốc và tiền lãi từ ngày 06/12/2021 đến nay (lãi suất 1%/tháng), anh không liên lạc qua điện thoại anh T1 được. Hai bên có hợp đồng vay tiền có công chứng. Kể từ ngày vay anh T1 có trả cho anh tiền lãi 03 tháng với số tiền là 2.400.000 đồng.

Ngày 06/9/2021 anh đã chuyển khoản vào tài khoản của anh T1 số tiền 77.600.000 đồng, do khi chuyển tiền là anh đã trừ tiền lãi của 3 tháng đầu là 2.400.000 đồng nên chỉ chuyển số tiền 77.600.000 đồ ng.

Nay anh yêu cầu buộc anh Dương Minh T1 trả số tiền tổng cộng 90.400.000 đồng (Chín mươi triệu bốn trăm ngàn đồng). Trong đó:

- Tiền gốc: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng);

- Tiền lãi tạm tính là 10.400.000 đồng (Mười triệu bốn trăm ngàn đồng) tính từ ngày 06/12/2021 đến ngày 10/01/2023 với lãi suất 1%/tháng.

Anh yêu cầu anh T1 tiếp tục trả tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tính lãi từ ngày 10/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, thông báo, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự hợp lệ đối với bị đơn anh Dương Minh T1 để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh T1 vắng mặt nhiều lần không có lý do.

Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay đã chuyển khoản cho bị đơn là 72.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 07/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/8/2023 tính tròn là 20 tháng với số tiền là 12.035.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 84.535.000 đồng (T2 mươi bốn triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã chuyển là 72.500.000 đồng (Bảy mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) do cho rằng có chuyển khoản thông qua số tài khoản 0041100006648003 tại Ngân hàng TMCP P của nguyên đơn vào số tài khoản của anh T1 là 0111000219887 tại Ngân hàng TMCP N được thể hiện tại bản Sao kê tài khoản của Ngân hàng TMCP P vào ngày 06/9/2021 với số tiền 72.500.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Về lãi suất, nguyên đơn cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận miệng không có giấy tờ chứng minh. Về phía bị đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do không ghi nhận được ý kiến nên không xác định rõ về lãi suất các bên thỏa thuận là bao nhiêu, do đó áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất 10%/năm (tức là 0,83%/tháng).

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Dương Minh T1 trả cho anh Trần Mỹ T số tiền 72.500.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 07/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng vay tài sản, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh nên xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không rõ lý do nên Hội đồng xét xử

quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Xét giao dịch dân sự:

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Trần Mỹ T cho rằng có cho bị đơn anh Dương Minh T1 vay số tiền 80.000.000 đồng (T2 mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 7943, quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/9/2021. Anh T1 có ký tên vào Hợp đồng vay tiền và đã nhận tiền vay thông qua chuyển khoản nên anh T yêu cầu anh T1 trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ là hợp pháp: Hợp đồng vay tiền số công chứng 7943, quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/9/2021 là văn bản có công chứng chứng thực lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Đ. Trong đó ghi nhận: Bên A: Bên cho vay là anh Trần Mỹ T đồng ý cho Bên B: Bên vay là anh Dương Minh T1 vay số tiền là 80.000.000 đồng (T2 mươi triệu đồng); Thời hạn cho vay: 03 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Bên B phải thanh toán đủ số tiền đã vay khi hết thời hạn cho vay; Lãi suất cho vay: do các bên thỏa thuận không trái quy định pháp luật. Đến nay đã hết thời hạn thanh toán, anh T1 không thực hiện nghĩa vụ cho anh T như thỏa thuận nên anh khởi kiện.

Hợp đồng vay tiền ngày 06/9/2021 đã được các bên tự nguyện ký nhận với nhau về việc đã có thỏa thuận vay tài sản, có công chứng chứng thực lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Đ, về nội dung và hình thức thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Theo nguyên đơn, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Xét, tài liệu nêu trên đáp ứng yêu cầu của một chứng cứ theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về nợ gốc:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay là 80.000.000 đồng căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 06/9/2021.

Xét thấy: quá trình giao dịch, anh T cho rằng có thực hiện việc chuyển khoản thông qua số tài khoản 0041100006648003 tại Ngân hàng TMCP P của nguyên đơn vào số tài khoản của anh T1 là 0111000219887 tại Ngân hàng TMCP N, theo Sao kê tài khoản thể hiện vào ngày 06/9/2021 anh T có chuyển khoản cho anh T1 số tiền là 72.500.000 đồng (Bảy mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn cho rằng: Khi chuyển khoản đã trừ tiền lãi suất 1%/tháng của 3 tháng đầu cho anh T1 với số tiền 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) và trừ tiền phí công chứng 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm ngàn đồng), tổng cộng là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) nên chỉ chuyển khoản số tiền 72.500.000 đồng cho anh T1. Xét không có tài liệu, chứng cứ cụ thể nào về việc hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng nên đã trừ tiền lãi 2.400.000 đồng và số tiền phí công chứng là 5.100.000 đồng vào tiền gốc khi chuyển khoản cho bị đơn nên không có cơ sở xem xét.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã chuyển là 72.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hơn nữa, ý kiến của nguyên đơn phù hợp với Sao kê tài khoản do Ngân hàng TMCP P cung cấp nên có cơ sở khẳng định số tiền gốc đã chuyển khoản cho bị đơn vay là 72.500.000 đồng.

Về lãi suất:

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 06/9/2021 thể hiện anh T1 có vay số tiền là 80.000.000 đồng, thể hiện có thỏa thuận vay có lãi suất do các bên thỏa thuận không trái quy định pháp luật. Nguyên đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng mức lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1%/tháng.

Mặc dù anh T và anh T1 có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không có cơ sở xác định rõ lãi suất là 1%/tháng nên thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, anh T yêu cầu anh T1 trả lãi suất với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 72.500.000 đồng tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 07/12/2021 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2023 là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trên cơ sở đó xác định:

Số tiền gốc còn lại là 72.500.000 đồng, thời gian tính lãi nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 07/12/2021 đến ngày 17/8/2023 được tính tròn là 20 tháng 10 ngày nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính 20 tháng nên số tiền lãi cụ thể: 72.500.000 đồng x 20 tháng x 0,83%/tháng = 12.035.000 đồng (Mười hai triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Tổng cộng bị đơn có nghĩa vụ trả gốc và lãi cho nguyên đơn là 72.500.000 đồng + 12.035.000 đồng = 84.535.000 đồng (T2 mươi bốn triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166; Điều 357; Điều 463; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Mỹ T.

Buộc anh Dương Minh T1 trả cho anh Trần Mỹ T tổng số tiền 84.535.000 đồng (T2 mươi bốn triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc là 72.500.000 đồng và tiền lãi là 12.035.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 4.226.750 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền 2.260.000 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003543 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thanh Quang	**Nguyễn Văn Trãi**	**Lê Thị Thúy Hằng**